

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (79 -)/DA21THD

CBGD: Võ Thị Hằng (ML04)

Hình thức đánh giá:.....TT.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
25/07/2022

Phòng thi:.....D71.111.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114321128	Thạch Thị Ra Vy	16/09/2003	Nữ	7,3	4,5	5,9	001	Ra Vy		
2	114321136	Phạm Phúc Lộc	16/03/2003	Nam	6,8	4,8	5,8	002	Loc		
3	114321149	Dương Tâm Như	10/04/2003	Nữ							
4	114321155	Ngô Thị Kim Ngọc	18/12/2001	Nữ	7,0	3,8	5,4	004	Ngoc		
5	114321156	Ngô Thị Kim Tuyền	03/10/2003	Nữ	7,8	4,8	6,3	005	Tuyen		
6	114321159	Nguyễn Thanh Tâm	21/02/2003	Nữ	6,8	4,3	5,6	006	Tam		
7	114321163	Dương Hữu Thiện	07/05/2002	Nam							
8	114321167	Phan Đăng Luân	09/10/2003	Nam	7,0	5,0	6,0	008	Luân		
9	114321169	Nguyễn Thị Phương Như	28/11/2003	Nữ	7,0	4,3	5,7	009	Phuong		
10	114321171	Huỳnh Thị Mỹ Tiên	16/08/2003	Nữ	7,3	4,8	6,1	010	MyTien		
11	114321172	Nguyễn Song Mỹ Ý	26/12/2003	Nữ	7,5	5,5	6,5	011	My		
12	114321174	Nhan Thúy Vy	05/12/2003	Nữ	7,0	6,0	6,5	012	Thuy		
13	114321176	Lâm Thiên Trúc	27/03/2003	Nữ	7,5	5,0	6,3	013	Truc		
14	114321189	Thạch Thị Mỹ Hạnh	13/03/2003	Nữ	6,8	4,5	5,7	014	Hanh		
15	114321190	Lâm Thị Mỹ Huyền	05/09/2003	Nữ	7,0	5,5	6,3	015	Huyen		
16	114321195	Thạch Thị Ngọc Trinh	08/09/2003	Nữ	7,8	4,5	6,2	016	Trinh		
17	114321196	Trần Khánh Linh	06/11/2003	Nữ	6,8	3,8	5,3	017	Linh		
18	114321197	La Ý Ngọc	22/05/2003	Nữ	7,0	5,0	6,0	018	Ngoc		
19	114321201	Thạch Thị Bé Trâm	17/10/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	019	Tram		
20	114321207	Kim Thị Nhật	07/04/2003	Nữ							

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (79 -)/DA21THD

CBGD: Võ Thị Hằng (ML04)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25/7/2022Phòng thi: ĐT1.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321208	Kim Thị Sa	Mây	08/12/2003	Nữ	6,8	3,3	5,1	<u>Sa</u>		
2	114321214	Đoàn Thị Thúy	Vy	05/10/2003	Nữ	7,3	3,5	5,4	<u>Vy</u>		
3	114321224	Phạm Văn Vũ	Phúc	29/12/2003	Nam	7,0	3,0	5,0	<u>Phu</u>		
4	114321225	Huỳnh Thanh	Huyền	22/05/2003	Nữ	7,5	5,5	6,5	<u>Thuy</u>		
5	114321228	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	18/04/2003	Nữ	6,8	4,8	5,8	<u>Han</u>		
6	114321230	Phạm Thị Phương	Thảo	02/09/2003	Nữ	—	—	—	<u>Phu</u>		vắng
7	114321237	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	12/09/2003	Nữ	7,3	4,0	5,7	<u>Bich</u>		
8	114321243	Lê Thị Cẩm	Trân	08/04/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	<u>Tran</u>		
9	114321249	Nguyễn Xuân	Lan	07/01/2003	Nữ	7,5	3,3	5,4	<u>Lan</u>		
10	114321250	Nguyễn Huỳnh Cẩm	Tiên	26/02/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	<u>Cam</u>		
11	114321252	Lê Ngọc	Nhi	18/02/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	<u>Nhi</u>		
12	114321253	Nguyễn Huỳnh	Như	23/04/2003	Nữ	7,0	4,3	5,7	<u>Nhu</u>		
13	114321254	Ngô Các Ngọc	Anh	03/01/2003	Nữ	6,8	6,0	6,4	<u>Anh</u>		
14	114321255	Lê Đoàn Ngọc	Hằng	09/08/2003	Nữ	7,0	4,0	5,5	<u>Hang</u>		
15	114321272	Huỳnh Thanh	Thiện	28/12/2003	Nam	7,8	—	—	<u>Thien</u>		vắng
16	114321275	Trần Thị Ngọc	Bích	26/09/2003	Nữ	7,3	5,5	6,4	<u>Bich</u>		
17	114321276	Nguyễn Huỳnh Khải	Linh	13/08/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	<u>Linh</u>	017	
18	114321281	Võ Thị Thu	Thảo	06/05/2003	Nữ	7,8	3,5	5,7	<u>Thu</u>		
19	114321283	Nguyễn Diệp Tường	Vy	01/11/2003	Nữ	7,3	4,0	5,7	<u>Tuong</u>		
20	114321284	Phạm Thị Ngọc	Trinh	02/09/2003	Nữ	7,5	3,0	5,3	<u>Trinh</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18Tổng số tờ: 18Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc KhánhĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 03 tháng 8 năm 2022Cán bộ ghi điểm: Son Son La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

25/8
1781.113

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (79 -)/DA21THD

CBGD: Võ Thị Hằng (ML04)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....25/.....8...../2022

Phòng thi:.....1781.113.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321291	Nguyễn Tú	08/10/2003	Nữ	7,0	3,0	5,0	001	<i>[Signature]</i>		
2	114321298	Lữ Thị Trúc	10/02/2003	Nữ	7,0	3,5	5,3	002	<i>[Signature]</i>		
3	114321302	Kim Hoàng Thiên	15/06/2003	Nữ	7,3	4,5	5,9	003	<i>[Signature]</i>		
4	114321319	Sơn Thành	10/10/2003	Nam	7,5	5,3	6,4	004	<i>[Signature]</i>		
5	114321320	Thạch Thị Ngọc	11/10/2003	Nữ	7,3	2,3	4,8	005	<i>[Signature]</i>		
6	114321323	Lưu Hữu	14/12/2003	Nam	6,8	5,0	5,9	006	<i>[Signature]</i>		
7	114321327	Võ Kim	11/08/2003	Nữ	6,8	3,3	5,1	007	<i>[Signature]</i>		
8	114321335	Hồ Văn Nhựt	29/10/2003	Nam	7,3	4,3	5,8	008	<i>[Signature]</i>		
9	114321336	Nguyễn Minh	10/02/2003	Nam	7,5	3,8	5,7	009	<i>[Signature]</i>		
10	114321338	Trần Thị Ánh	04/12/2003	Nữ							
11	114321339	Lữ Khôi	04/01/2003	Nam	7,0	5,5	6,3	011	<i>[Signature]</i>		
12	114321340	Trần Thị Trúc	05/01/2003	Nữ	7,3	3,3	5,3	012	<i>[Signature]</i>		
13	114321341	Phạm Đoàn Phương	31/10/2003	Nữ	7,3	4,0	5,7	013	<i>[Signature]</i>		
14	114321343	Lâm Thái	20/02/2003	Nam	7,5	3,8	5,7	014	<i>[Signature]</i>		
15	114321344	Huỳnh Nhật	15/03/2003	Nam	7,5	5,0	6,3	015	<i>[Signature]</i>		
16	114321345	Lâm Trí	18/12/2003	Nam	7,0	4,3	5,7	016	<i>[Signature]</i>		
17	114321346	Thạch Ngọc	06/07/2003	Nam	6,5	4,0	5,3	017	<i>[Signature]</i>		
18	114321348	Phạm Trần Gia	24/08/2003	Nam	7,3	5,3	6,3	018	<i>[Signature]</i>		
19	114321350	Sơn Thanh	29/09/2003	Nam	6,8	4,8	5,8	019	<i>[Signature]</i>		
20	114321351	Hồ Minh	22/12/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	020	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....20.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....19.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....19.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....*[Signature]*.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày ..07... tháng ..8..... năm 2022

Cán bộ ghi điểm:.....*[Signature]*.....

Cán bộ kiểm tra:.....*[Signature]*.....

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (79 -)/DA21THD

CBGD: Võ Thị Hằng (ML04)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....25/8/2022.....

Phòng thi:.....D71-114.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321353	Trần Thị Mỹ Nhi	04/12/2003	Nữ	7,0	5,0	6,0	006	TK		
2	114321354	Hồ Huỳnh Hoa	29/02/1996	Nữ	—	—	—	—	—		
3	114321355	Lâm Thị Vân Anh	07/05/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	008	TK		
4	114321356	Từ Nguyễn Huỳnh Anh	21/01/2003	Nữ	7,0	5,5	6,3	009	TK		
5	114321357	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	27/10/2003	Nữ	—	—	—	—	—		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....05.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:03.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....03.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

.....Phạm Thị Ngọc Bích.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày03..... tháng8..... năm2022.....

Cán bộ ghi điểm:.....

.....Sơn Sơn La.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

.....Nguyễn Thị Linh.....

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (79 -)/DA21THB

CBGD: Võ Thị Hằng (ML04)

Hình thức đánh giá: Thắc Nghe

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25 / 07 / 2022Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114321011	Huỳnh Thị Kim	Cương	02/11/2003	Nữ	6,8	4,5	5,7	001	<u>Kim</u>	
2	114321014	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	07/09/2003	Nữ						Vỡ
3	114321016	Lâm Ngọc	Diệp	25/07/2003	Nữ	7,3	5,3	6,3	003	<u>Ngọc</u>	
4	114321019	Nguyễn Kim	Dung	05/09/2003	Nữ	7,5	6,0	6,8	004	<u>Kim</u>	
5	114321024	Trần Thúy	Duy	24/12/2003	Nữ	6,8	4,0	5,4	005	<u>Thúy</u>	
6	114321028	Huỳnh Ngọc	Hân	15/07/2003	Nữ	7,3	4,8	6,1	006	<u>Ngọc</u>	
7	114321029	Huỳnh Ngọc	Hân	30/08/2003	Nữ	7,0	3,8	5,4	007	<u>Hân</u>	
8	114321030	Sơn Thị Diệu	Hằng	26/12/2003	Nữ	7,5	3,3	5,4	008	<u>Diệu</u>	
9	114321035	Huỳnh Thị Như	Huyền	24/11/2003	Nữ	7,0	5,0	6,0	009	<u>Ngọc</u>	
10	114321037	Nguyễn Hữu	Khang	10/06/2001	Nam						Vỡ
11	114321038	Tiêu Nhật Duy	Khánh	09/11/2003	Nam	7,0	4,3	5,7	011	<u>Khánh</u>	
12	114321040	Nguyễn Anh	Kiệt	15/09/2003	Nam	7,3	3,5	5,4	012	<u>Anh</u>	
13	114321042	Hà Xuân	Lam	26/08/2001	Nữ	7,3	4,8	6,1	013	<u>Lam</u>	
14	114321046	Nguyễn Hữu	Luân	18/03/2003	Nam	7,0	3,8	5,4	014	<u>Hữu</u>	
15	114321054	Ngô Gia	Ngân	29/07/2003	Nữ	7,0	4,5	5,8	015	<u>Ngân</u>	
16	114321058	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	15/10/2003	Nữ	7,3	3,0	5,2	016	<u>Tuyết</u>	
17	114321060	Diệp Trọng	Nhân	17/02/2003	Nam	7,0	2,8	4,9	017	<u>Trọng</u>	
18	114321065	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	05/11/2003	Nữ	7,3	3,3	5,3	018	<u>Huỳnh</u>	
19	114321069	Phan Huỳnh Tổ	Như	04/06/2003	Nữ	7,0	2,8	4,9	019	<u>Tổ</u>	
20	114321070	Nguyễn Trần Tổ	Như	12/09/2003	Nữ	7,3	4,3	5,8	020	<u>Như</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18Tổng số tờ: 40Cán bộ coi thi 1: Anh Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 03 tháng 8 năm 2022Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn LaCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm**

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (79 -)/DA21THB

CBGD: Võ Thị Hằng (ML04)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....25...../.....7...../2022

Phòng thi:.....D71.109.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321071	Thạch Thị Đa	Ni	Nữ	7,3	5,3	6,3	001	Đa		
2	114321073	Phạm Tấn	Phát	Nam	7,0	4,5	5,8	002	Phạm Tấn		
3	114321078	Thạch Thị Lan	Phương	Nữ	6,8	5,3	6,1	003	Thạch Thị Lan		
4	114321079	Nhâm Hiếu	Phương	Nữ	7,8	6,3	7,1	004	Nhâm Hiếu		
5	114321083	Diệp Thị Huỳnh	Quế	Nữ	7,5	3,8	5,7	005	Diệp Thị Huỳnh		
6	114321084	Huỳnh Đỗ	Quyên	Nữ	7,0	4,5	5,8	006	Huỳnh Đỗ		
7	114321085	Thạch Thị Bích	Quyên	Nữ	6,5	5,0	5,8	007	Thạch Thị Bích		
8	114321087	Trần Minh	Tâm	Nữ	7,0	4,5	5,8	008	Trần Minh		
9	114321091	Phan Thị Hoàng	Thơ	Nữ	7,5	4,5	6,0	009	Phan Thị Hoàng		
10	114321094	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	7,5	3,8	5,7	010	Nguyễn Thị Minh		
11	114321095	Đoàn Thị Minh	Thư	Nữ	7,5	3,8	5,7	011	Đoàn Thị Minh		Vai
12	114321098	Trần Thị Mỹ	Tiên	Nữ	8,0	4,8	6,4	012	Trần Thị Mỹ		
13	114321099	Đoàn Thị	Tiên	Nữ	7,8	5,5	6,7	013	Đoàn Thị		
14	114321100	Lâm Thanh	Tiên	Nữ	7,3	4,3	5,8	014	Lâm Thanh		
15	114321103	Phan Thị Ngọc	Trâm	Nữ	7,3	5,0	6,2	015	Phan Thị Ngọc		
16	114321105	Dương Huỳnh Thị Đan	Trâm	Nữ	7,5	4,3	5,9	016	Dương Huỳnh Thị Đan		
17	114321106	Phạm Thị Thu	Trâm	Nữ	7,5	5,0	6,3	017	Phạm Thị Thu		5,0
18	114321108	Lưu Thị Bảo	Trân	Nữ	7,5	5,0	6,3	018	Lưu Thị Bảo		
19	114321109	Nguyễn Thị Quế	Trân	Nữ	7,5	3,3	5,4	019	Nguyễn Thị Quế		
20	114321111	Lâm Phương	Trang	Nữ	7,3	4,0	5,7	020	Lâm Phương		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....20.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....19.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....19.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày.....03.....tháng.....8.....năm.....2022

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (79 -)/DA21THB

CBGD: Võ Thị Hằng (ML04)

Hình thức đánh giá: Tự luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

25/7/2022

Phòng thi: D71-110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114321112	Nguyễn Thị Kiều Trang	22/01/2003	Nữ	7,0	3,3	5,2	001	<u>Trang</u>		
2	114321113	Nguyễn Thị Thanh Trang	29/12/2003	Nữ	7,0	3,8	5,4	002	<u>Thanh</u>		
3	114321118	Thạch Ngọc Tuyết Trinh	12/01/2003	Nữ	8,0	3,3	5,7	003	<u>Trinh</u>		
4	114321121	Lý Thị Cẩm Tú	13/09/2002	Nữ	7,3	5,5	6,4	004	<u>Tú</u>		
5	114321122	Nguyễn Lý Thanh Tuyền	05/01/2003	Nữ	7,0	3,8	5,4	005	<u>Thuy</u>		
6	114321123	Trần Thị Thúy Vy	29/12/2003	Nữ	7,3	3,3	5,3	006	<u>Thuy Vy</u>		
7	114321124	Võ Hoàng Việt	02/11/2003	Nam	7,5	4,3	5,9	007	<u>Việt</u>		
8	114321125	Phan Quốc Việt	20/12/2003	Nam	7,3	4,3	5,8	008	<u>Việt</u>		
9	114321134	Dương Nhật Khang	22/08/2003	Nam	7,8	3,8	5,8	009	<u>Khang</u>		
10	114321141	Lê Hoàng Tuấn	01/10/2003	Nam	7,8	3,5	5,7	010	<u>Tuấn</u>		
11	114321148	Trần Thị Kiều Trinh	18/02/2003	Nữ	8,0	3,8	5,9	011	<u>Trinh</u>		
12	114321175	Trần Thị Tú Quyên	17/11/2003	Nữ	7,0	2,8	4,9	012	<u>Quyên</u>		
13	114321192	Thạch Minh Nhân	13/01/2003	Nam	6,8	3,5	5,2	013	<u>Nhân</u>		
14	114321220	Lê Thị Diễm My	04/07/2003	Nữ	6,8	3,3	5,1	014	<u>My</u>		
15	114321223	Nguyễn Hải Ngọc	14/10/2003	Nữ	7,3	4,5	5,9	015	<u>Ngọc</u>		
16	114321226	Nguyễn Thị Yến Oanh	12/12/2003	Nữ	7,5	3,3	5,4	016	<u>Oanh</u>		
17	114321248	Trần Thị Ngọc Diễm	19/07/2003	Nữ	6,8	3,8	5,3	017	<u>Ngọc Diễm</u>		
18	114321251	Nguyễn Huỳnh Mỹ Ngọc	14/12/2003	Nữ	6,5	3,8	5,2	018	<u>Mỹ Ngọc</u>		
19	114321260	Trần Giang Ý	03/09/2003	Nữ	7,5	4,3	5,9	019	<u>Ý</u>		
20	114321274	Trần Tường Vy	08/04/2003	Nữ	7,5	3,5	5,5	020	<u>Vy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Minh Nguyệt

Điểm QT: 5%; Điểm KT: 5%

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Son Son La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ: 3
Nhóm/Lớp: (79 -)/DA21THB
CBGD: Võ Thị Hằng (ML04)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

Phòng thi:.....D71.114.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321287	Kiên Ngọc Hồng	Điệp	17/07/2003	Nữ	7,5	4,3	5,9	001	DUP	
2	114321288	Thạch Thị	Lùng	18/12/2003	Nữ	6,5	5,5	6,0	002	LH	
3	114321297	Trần Thị Chúc	Ly	18/03/2003	Nữ	6,5	5,8	6,2	003	LT	
4	114321328	Thạch Thị Cẩm	Tiên	12/10/2003	Nữ	7,5	5,8	6,7	004	Tien	
5	114321333	Diệp Thị Thùy	Trang	05/01/2003	Nữ	7,3	4,3	5,8	005	Orange	

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Điểm QT:.....%; Điểm KT:.....%

Trà Vinh, Ngày ..03... tháng ..8... năm 2022

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21THB phòng C71.204, buổi Tối ngày 25/07/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	114321011	Huỳnh Thị Kim Cương	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_001	DA21THB	18	4.5	
2	114321014	Nguyễn Thị Kiều Diễm	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_002	DA21THB	0	0	
3	114321016	Lâm Ngọc Diệp	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_003	DA21THB	21	5.25	
4	114321019	Nguyễn Kim Dung	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_004	DA21THB	24	6	
5	114321024	Trần Thủy Duy	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_005	DA21THB	16	4	
6	114321028	Huỳnh Ngọc Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_006	DA21THB	19	4.75	
7	114321029	Huỳnh Ngọc Hân	2021	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_007	DA21THB	15	3.75	
8	114321030	Son Thị Diệu Hằng	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_008	DA21THB	13	3.25	
9	114321035	Huỳnh Thị Như Huyền	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_009	DA21THB	20	5	
10	114321037	Nguyễn Hữu Khang	2001	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_010	DA21THB	0	0	
11	114321038	Tiêu Nhật Duy Khánh	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_011	DA21THB	17	4.25	
12	114321040	Nguyễn Anh Kiệt	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_012	DA21THB	14	3.5	
13	114321042	Hà Xuân Lam	2001	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_013	DA21THB	19	4.75	
14	114321046	Nguyễn Hữu Luân	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_014	DA21THB	15	3.75	
15	114321054	Ngô Gia Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_015	DA21THB	18	4.5	
16	114321058	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_016	DA21THB	12	3	
17	114321060	Diệp Trọng Nhân	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_017	DA21THB	11	2.75	
18	114321065	Nguyễn Thị Huỳnh Như	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_018	DA21THB	13	3.25	
19	114321069	Phan Huỳnh Tố Như	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_019	DA21THB	11	2.75	
20	114321070	Nguyễn Trần Tố Như	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-C71.204-T250722_020	DA21THB	17	4.25	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21THB phòng D71.114, buổi Tối ngày 25/07/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	114321287	Kiên Ngọc Hồng Điệp	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.114-T250722_001	DA21THB	17	4.25	
2	114321288	Thạch Thị Lùng	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.114-T250722_002	DA21THB	22	5.5	
3	114321297	Trần Thị Chúc Ly	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.114-T250722_003	DA21THB	23	5.75	
4	114321328	Thạch Thị Cẩm Tiên	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.114-T250722_004	DA21THB	23	5.75	
5	114321333	Diệp Thị Thùy Trang	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.114-T250722_005	DA21THB	17	4.25	
6	114321353	Trần Thị Mỹ Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.114-T250722_006	DA21THD	20	5	
7	114321354	Hồ Huỳnh Hoa	1996	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.114-T250722_007	DA21THD	0	0	
8	114321355	Lâm Thị Vân Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.114-T250722_008	DA21THD	15	3.75	
9	114321356	Từ Nguyễn Huỳnh Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.114-T250722_009	DA21THD	22	5.5	
10	114321357	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.114-T250722_010	DA21THD	0	0	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21THD phòng D71.113, buổi Tối ngày 25/07/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	114321291	Nguyễn Tú Nguyên	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_001	DA21THD	12	3	
2	114321298	Lữ Thị Trúc Muôn	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_002	DA21THD	14	3.5	
3	114321302	Kim Hoàng Thiên Trang	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_003	DA21THD	18	4.5	
4	114321319	Sơn Thành Tài	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_004	DA21THD	21	5.25	
5	114321320	Thạch Thị Ngọc Thảo	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_005	DA21THD	9	2.25	
6	114321323	Lưu Hữu Phước	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_006	DA21THD	20	5	
7	114321327	Võ Kim Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_007	DA21THD	13	3.25	
8	114321335	Hồ Văn Nhựt Tân	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_008	DA21THD	17	4.25	
9	114321336	Nguyễn Minh Thúc	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_009	DA21THD	15	3.75	
10	114321338	Trần Thị Ánh Dương	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_010	DA21THD	0	0	
11	114321339	Lữ Khôi Nguyên	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_011	DA21THD	22	5.5	
12	114321340	Trần Thị Trúc Linh	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_012	DA21THD	13	3.25	
13	114321341	Phạm Đoàn Phương Quyên	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_013	DA21THD	16	4	
14	114321343	Lâm Thái Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_014	DA21THD	15	3.75	
15	114321344	Huỳnh Nhật Trường	2002	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_015	DA21THD	20	5	
16	114321345	Lâm Trí Kha	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_016	DA21THD	17	4.25	
17	114321346	Thạch Ngọc An	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_017	DA21THD	16	4	
18	114321348	Phạm Trần Gia Thoại	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_018	DA21THD	21	5.25	
19	114321350	Sơn Thanh Hải	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_019	DA21THD	19	4.75	
20	114321351	Hồ Minh Trung	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.113-T250722_020	DA21THD	16	4	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21THD phòng D71.112, buổi Tối ngày 25/07/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	114321208	Kim Thị Sa Mây	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_001	DA21THD	13	3.25	
2	114321214	Đoàn Thị Thúy Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_002	DA21THD	14	3.5	
3	114321224	Phạm Văn Vũ Phúc	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_003	DA21THD	12	3	
4	114321225	Huỳnh Thanh Huyền	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_004	DA21THD	22	5.5	
5	114321228	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_005	DA21THD	19	4.75	
6	114321230	Phạm Thị Phương Thảo	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_006	DA21THD	0	0	
7	114321237	Nguyễn Thị Bích Tuyền	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_007	DA21THD	16	4	
8	114321243	Lê Thị Cẩm Trân	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_008	DA21THD	16	4	
9	114321249	Nguyễn Xuân Lan	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_009	DA21THD	13	3.25	
10	114321250	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tiên	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_010	DA21THD	16	4	
11	114321252	Lê Ngọc Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_011	DA21THD	16	4	
12	114321253	Nguyễn Huỳnh Như	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_012	DA21THD	17	4.25	
13	114321254	Ngô Các Ngọc Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_013	DA21THD	24	6	
14	114321255	Lê Đoàn Ngọc Hằng	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_014	DA21THD	16	4	
15	114321272	Huỳnh Thanh Thiện	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_015	DA21THD	0	0	
16	114321275	Trần Thị Ngọc Bích	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_016	DA21THD	22	5.5	
17	114321276	Nguyễn Huỳnh Khải Linh	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_017	DA21THD	15	3.75	
18	114321281	Võ Thị Thu Thảo	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_018	DA21THD	14	3.5	
19	114321283	Nguyễn Diệp Tường Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_019	DA21THD	16	4	
20	114321284	Phạm Thị Ngọc Trinh	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.112-T250722_020	DA21THD	12	3	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21THD phòng D71.111, buổi Tối ngày 25/07/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	114321128	Thạch Thị Ra Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_001	DA21THD	18	4.5	
2	114321136	Phạm Phúc Lộc	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_002	DA21THD	19	4.75	
3	114321149	Dương Tâm Như	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_003	DA21THD	0	0	
4	114321155	Ngô Thị Kim Ngọc	2001	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_004	DA21THD	15	3.75	
5	114321156	Ngô Thị Kim Tuyền	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_005	DA21THD	19	4.75	
6	114321159	Nguyễn Thanh Tâm	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_006	DA21THD	17	4.25	
7	114321163	Dương Hữu Thiện	2002	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_007	DA21THD	0	0	
8	114321167	Phan Đăng Luân	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_008	DA21THD	20	5	
9	114321169	Nguyễn Thị Phương Như	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_009	DA21THD	17	4.25	
10	114321171	Huỳnh Thị Mỹ Tiên	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_010	DA21THD	19	4.75	
11	114321172	Nguyễn Song Mỹ Ý	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_011	DA21THD	22	5.5	
12	114321174	Nhan Thúy Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_012	DA21THD	24	6	
13	114321176	Lâm Thiên Trúc	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_013	DA21THD	20	5	
14	114321189	Thạch Thị Mỹ Hạnh	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_014	DA21THD	18	4.5	
15	114321190	Lâm Thị Mỹ Huyền	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_015	DA21THD	22	5.5	
16	114321195	Thạch Thị Ngọc Trinh	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_016	DA21THD	18	4.5	
17	114321196	Trần Khánh Linh	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_017	DA21THD	15	3.75	
18	114321197	La Ý Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_018	DA21THD	20	5	
19	114321201	Thạch Thị Bé Trâm	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_019	DA21THD	18	4.5	
20	114321207	Kim Thị Nhật	2003	LLCT-THM-L-DA21THD-D71.111-T250722_020	DA21THD	0	0	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21THB phòng D71.110, buổi Tối ngày 25/07/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	114321112	Nguyễn Thị Kiều Trang	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_001	DA21THB	13	3.25	
2	114321113	Nguyễn Thị Thanh Trang	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_002	DA21THB	15	3.75	
3	114321118	Thạch Ngọc Tuyết Trinh	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_003	DA21THB	13	3.25	
4	114321121	Lý Thị Cẩm Tú	2002	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_004	DA21THB	22	5.5	
5	114321122	Nguyễn Lý Thanh Tuyền	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_005	DA21THB	15	3.75	
6	114321123	Trần Thị Thúy Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_006	DA21THB	13	3.25	
7	114321124	Võ Hoàng Việt	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_007	DA21THB	17	4.25	
8	114321125	Phan Quốc Việt	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_008	DA21THB	17	4.25	
9	114321134	Dương Nhật Khang	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_009	DA21THB	15	3.75	
10	114321141	Lê Hoàng Tuấn	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_010	DA21THB	14	3.5	
11	114321148	Trần Thị Kiều Trinh	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_011	DA21THB	15	3.75	
12	114321175	Trần Thị Tú Quyên	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_012	DA21THB	11	2.75	
13	114321192	Thạch Minh Nhân	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_013	DA21THB	14	3.5	
14	114321220	Lê Thị Diễm My	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_014	DA21THB	13	3.25	
15	114321223	Nguyễn Hải Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_015	DA21THB	18	4.5	
16	114321226	Nguyễn Thị Yến Oanh	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_016	DA21THB	13	3.25	
17	114321248	Trần Thị Ngọc Diện	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_017	DA21THB	15	3.75	
18	114321251	Nguyễn Huỳnh Mỹ Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_018	DA21THB	15	3.75	
19	114321260	Trần Giang Ý	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_019	DA21THB	17	4.25	
20	114321274	Trần Tường Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.110-T250722_020	DA21THB	14	3.5	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21THB phòng D71.109, buổi Tối ngày 25/07/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	114321071	Thạch Thị Đa Ni	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_001	DA21THB	21	5.25	
2	114321073	Phạm Tấn Phát	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_002	DA21THB	18	4.5	
3	114321078	Thạch Thị Lan Phương	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_003	DA21THB	21	5.25	
4	114321079	Nhâm Hiếu Phương	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_004	DA21THB	25	6.25	
5	114321083	Diệp Thị Huỳnh Quế	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_005	DA21THB	15	3.75	
6	114321084	Huỳnh Đỗ Quyên	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_006	DA21THB	18	4.5	
7	114321085	Thạch Thị Bích Quyên	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_007	DA21THB	20	5	
8	114321087	Trần Minh Tâm	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_008	DA21THB	18	4.5	
9	114321091	Phan Thị Hoàng Thơ	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_009	DA21THB	18	4.5	
10	114321094	Nguyễn Thị Minh Thư	2002	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_010	DA21THB	15	3.75	
11	114321095	Đoàn Thị Minh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_011	DA21THB	0	0	
12	114321098	Trần Thị Mỹ Tiên	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_012	DA21THB	19	4.75	
13	114321099	Đoàn Thị Tiên	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_013	DA21THB	22	5.5	
14	114321100	Lâm Thanh Tiên	2002	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_014	DA21THB	17	4.25	
15	114321103	Phan Thị Ngọc Trâm	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_015	DA21THB	20	5	
16	114321105	Dương Huỳnh Thị Đan Trâm	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_016	DA21THB	17	4.25	
17	114321106	Phạm Thị Thu Trâm	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_017	DA21THB	20	5	
18	114321108	Lưu Thị Bảo Trân	2002	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_018	DA21THB	20	5	
19	114321109	Nguyễn Thị Quế Trân	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_019	DA21THB	13	3.25	
20	114321111	Lâm Phương Trang	2003	LLCT-THM-L-DA21THB-D71.109-T250722_020	DA21THB	16	4	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2